

- Công ty trách nhiệm hữu hạn May Tây Đô,
- Công ty trách nhiệm hữu hạn May Đồng Tiến,
- Công ty trách nhiệm hữu hạn May Tiên Tiến,
- Công ty trách nhiệm hữu hạn May Thuận Tiến.

2. Công ty cổ phần:

- Công ty cổ phần May Việt Hà,
- Công ty cổ phần May Việt Thịnh,
- Công ty cổ phần Cơ khí Dệt May Thủ Đức,
- Công ty cổ phần May Vĩnh Tiến,
- Công ty cổ phần May Việt Hải,
- Công ty cổ phần May Việt Long.

II. Các Công ty liên kết:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn May Việt Hồng,
- Công ty trách nhiệm hữu hạn May Việt Tân,
- Công ty trách nhiệm hữu hạn May Tiến Thuận.

2. Công ty cổ phần:

- Công ty cổ phần May Việt Hưng.

3. Các Công ty liên doanh nước ngoài:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh Sản xuất tấm bông PE (GOLDEN - VTEC),

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Kinh doanh tấm bông PE Hà Nội (EVC),

- Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh Sản xuất Nút nhựa Việt Thuận,

- Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh Sản xuất Mex Việt Phát./.

BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 69/2004/QĐ-BNV ngày 14/10/2004 về việc phê duyệt bản Điều lệ Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam đã được Đại hội nhiệm kỳ 1 ngày 08/11/2003 của Hội thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam

(ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BNV ngày 14/10/2004 của Bộ Nội vụ).

Chương I

TÊN HỘI, TÊN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

- Tên Hội: Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam;

- Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM URBAN LIGHTING ASSOCIATION;

Tên viết tắt: VULA;

- Trụ sở của Hội: 77 Tô Hiến Thành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

- Điện thoại: 04.9745744;

Fax: 04.9780314

Điều 2. Tôn chỉ, vị trí, phạm vi hoạt động

- Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam là Hội chuyên ngành, thành viên Tổng Hội Xây dựng Việt Nam, là một tổ chức tập hợp, đoàn kết của những hội viên tập thể, hội viên cá nhân là những công dân Việt Nam, hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, quy hoạch thiết kế, xây lắp, quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị, sản xuất - kinh doanh thiết bị chiếu sáng và những người quan tâm đóng góp hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam.

- Hội Chiếu sáng đô thị được tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí và tuân theo pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước.

- Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại ngân hàng, có con dấu riêng, có biểu tượng, có cơ quan ngôn luận (Báo, ấn phẩm, tạp chí...).

Điều 3. Mục đích của Hội

1. Tập hợp, liên kết các hội viên thành một tập thể đoàn kết để trao đổi kinh nghiệm, trao đổi thông tin, cập nhật các tiến bộ khoa học, công nghệ, hiệu quả kinh tế và quản lý chiếu sáng đô thị. Khuyến khích hội viên nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý và hỗ trợ, giúp đỡ nhau phát triển sự nghiệp, góp phần tích cực vào sự phát triển không ngừng của ngành chiếu sáng đô thị tại Việt Nam.

2. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kiến thức về khoa học, công nghệ, quản lý chiếu sáng cho các tổ chức và nhân dân.

3. Đề xuất với Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy ngành chiếu sáng đô thị phát triển tương xứng với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, tiến đến đạt trình độ ngang tầm với các nước trong khu vực và thế giới.

Chương II**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN****Điều 4. Nhiệm vụ của Hội**

1. Tập hợp, đoàn kết, động viên các hội viên nhiệt tình tham gia đóng góp cho sự phát triển của Hội và sự phát triển không ngừng của ngành chiếu sáng đô thị Việt Nam, sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các hội viên.

2. Phổ biến thông tin và đăng tải các công trình khoa học công nghệ chuyên ngành.

- Tổ chức hội thảo trao đổi kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp giữa các nhà khoa học, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Xuất bản các ấn phẩm của Hội theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức các lớp huấn luyện chuyên đề, khảo sát học tập, trao đổi kinh nghiệm với các hội viên.

- Tạo điều kiện hỗ trợ hội viên trong việc đi khảo sát học tập hoặc trao đổi thông tin trong và ngoài nước.

- Liên hệ với các Hội, các tổ chức chiếu sáng ở nước ngoài để đẩy mạnh hợp tác quốc tế về chiếu sáng nhân tạo. Khuyến khích tạo điều kiện cho hội viên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác với các tổ chức chiếu sáng quốc tế theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động về dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực chiếu sáng đô thị bao gồm:

- Đề xuất hoặc trực tiếp triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học.

- Điều tra, thu nhập số liệu phục vụ công tác tư vấn thiết kế, thi công... cho các dự án chiếu sáng đô thị.

- Tư vấn trong việc tiếp nhận, mua bán và chuyển giao công nghệ.

- Tham gia tổng kết các tiến bộ khoa học, công nghệ, nghiên cứu đề xuất điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm có liên quan đến lĩnh vực chiếu sáng đô thị.

4. Chủ động đề xuất với Nhà nước về cơ chế chính sách, các định hướng phát triển về kinh tế, kỹ thuật, xây dựng, quản lý các hệ thống chiếu sáng đô thị.

5. Tham gia phản biện cho các dự án chiếu sáng có quy mô từ địa phương đến toàn quốc. Phản biện các dự án đầu tư, liên doanh với nước ngoài trong lĩnh vực chiếu sáng đô thị.

6. Giám định chất lượng công trình chiếu sáng đô thị khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trưng cầu.

7. Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam có nhiệm vụ tuân thủ các quy định Điều lệ của Tổng Hội Xây dựng Việt Nam.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Đại diện cho các tổ chức thành viên và hội viên trong các hoạt động có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam.

2. Xây dựng, thông qua và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động của Hội.

3. Thực hiện các nhiệm vụ đã nêu ở Điều 4.

4. Tham gia tổ chức quốc tế (hoặc khu

vực) trong lĩnh vực chiếu sáng đô thị theo quy định của pháp luật.

5. Được quyền bảo hộ của Nhà nước khi thực hiện đúng những chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Được lập ra một số tổ chức hoạt động tư vấn, đào tạo, làm dịch vụ kỹ thuật - công nghệ và nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Hội viên của Hội

- Mọi tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực trực tiếp hoặc có liên quan đến chiếu sáng đô thị như đã nói tại Điều 2, nếu:

+ Tán thành tôn chỉ, mục đích, điều lệ của Hội và đóng góp hội phí theo quy định của Hội;

+ Tự nguyện làm đơn gia nhập Hội;

+ Tự nguyện tham gia các hoạt động của Hội, đều có thể xin gia nhập Hội.

- Hội viên Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam có quyền tham gia các Hội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hội viên Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam gồm:

1. Hội viên chính thức:

- Hội viên tập thể: Là những tổ chức

của Việt Nam hoạt động khoa học kỹ thuật, công tác quản lý chiếu sáng đô thị và quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị có liên quan đến chiếu sáng đô thị. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chiếu sáng đô thị.

- Hội viên cá nhân: Là những công dân Việt Nam có điều kiện tham gia mọi hoạt động của Hội; những người quan tâm đóng góp hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam.

2. Hội viên liên kết: Là các tổ chức, các cá nhân thuộc lĩnh vực chiếu sáng đô thị không có điều kiện tham gia mọi hoạt động của Hội, nhưng tự nguyện tham gia một số hoạt động của Hội (hội viên liên kết không được đề cử, ứng cử vào Ban lãnh đạo Hội và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội).

Điều 8. Nghĩa vụ và quyền của hội viên

1. Nghĩa vụ:

- Hội viên có nghĩa vụ tôn trọng điều lệ của Hội, tham gia tích cực thực hiện các nhiệm vụ của Hội như đã nói ở Điều 4.

- Tuyên truyền, phát triển hội viên mới và đóng đầy đủ hội phí.

- Bảo vệ danh dự và lợi ích hợp pháp của Hội, vận động mọi người hưởng ứng hoạt động của Hội.

2. Quyền của hội viên:

- Được tham gia mọi sinh hoạt, thảo

luận và biểu quyết các mặt công tác của Hội, bầu cử và ứng cử vào Ban chấp hành Hội theo quy định của Điều lệ.

- Được đề nghị giúp đỡ để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chiếu sáng. Được Hội tạo điều kiện đưa các kết quả nghiên cứu và ứng dụng, các sáng kiến phát minh vào sản xuất và đời sống. Được ưu tiên công bố các kết quả nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm mới trong các tạp chí và ấn phẩm của Hội.

- Được cung cấp thông tin về các tiến bộ Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Quản lý - Kinh tế của ngành chiếu sáng đô thị. Được tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm với những người hoạt động trong lĩnh vực chiếu sáng trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ và phát triển sự nghiệp của hội viên.

- Được cấp thẻ "Hội viên Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam" và sử dụng thẻ khi tham gia các sinh hoạt và các hoạt động khác của Hội.

- Được xin ra khỏi Hội bất kỳ khi nào có nguyện vọng. Khi xin ra khỏi Hội phải có đơn và nộp lại thẻ hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 9. Tổ chức của Hội gồm:

- Trung ương có Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam.

- Thành phố, thị xã là các Chi hội.

Điều 10. Đại hội Đại biểu toàn quốc của Hội

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc, tiến hành thường lệ 5 năm một lần do Ban Chấp hành Trung ương Hội triệu tập. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội hoặc ít nhất 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị.

Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ đã qua.

b) Quyết định phương hướng và chương trình công tác của Hội trong nhiệm kỳ tới.

c) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Hội (nếu có).

d) Bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội nhiệm kỳ mới.

Điều 11. Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, họp mỗi năm một lần. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội quyết định và trực tiếp bầu.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ:

a) Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc;

b) Lãnh đạo thực hiện Điều lệ của Hội;

c) Quyết định về chương trình hoạt động, ngân sách, tổ chức của Hội;

d) Bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 12. Ban Thường vụ Trung ương Hội

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Hội, có nhiệm vụ điều hành việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội. Ban Thường vụ định kỳ 6 tháng họp một lần. Các phiên họp thường vụ bất thường do Chủ tịch triệu tập hoặc khi có quá 1/2 ủy viên Thường vụ yêu cầu.

2. Ban Thường vụ cử ra Ban Thường trực và các Ban chuyên môn. Ban Thường trực do Chủ tịch Hội lãnh đạo, có nhiệm vụ điều hành các công việc giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ, tổ chức và đôn đốc thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ.

Điều 13. Chủ tịch Hội

Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các ủy viên thường vụ, có nhiệm vụ chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Thường trực, điều hành việc triển khai các nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ.

- Quyết định thành lập văn phòng Hội, các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc; bổ nhiệm Trưởng ban chuyên môn, Chánh Văn phòng, kế toán trưởng và người đứng đầu các tổ chức trực thuộc.

- Ban hành các quy chế hoạt động của Hội; quyết định kết nạp và xóa tên hội viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

Điều 14. Phó Chủ tịch Hội

Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công lãnh đạo từng mặt hoạt động và phụ trách các tổ chức cơ sở của Hội. Một Phó chủ tịch Hội được Chủ tịch Hội ủy quyền thay mặt Chủ tịch Hội chủ trì các cuộc họp hoặc giải quyết công việc của Hội khi Chủ tịch đi vắng.

Điều 15. Tổng thư ký Hội

Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra, thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội phân công và điều hành mọi hoạt động của văn phòng Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra của Hội

1. Ban Chấp hành Hội bầu ra Ban Kiểm tra của Hội gồm: Trưởng ban, Phó ban và một số ủy viên. Trưởng Ban Kiểm tra phải là ủy viên Ban Chấp hành.

2. Ban Kiểm tra của Hội có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của Hội; kiểm tra các hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương và kiểm tra tài chính của Hội, các tổ chức trực thuộc và tổ chức Hội thành viên (nếu cần); xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố nếu có.

3. Trưởng Ban kiểm tra của Hội được mời tham gia hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ. Ban Kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra với Ban Chấp hành Trung ương và có quyền kiến nghị những biện pháp cần thiết, kể cả kiến nghị triệu tập Đại hội đại biểu bất thường để giải quyết các vấn đề quan trọng và cấp bách phát sinh.

Điều 17. Ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Hội có thể xem xét và quyết định thành lập Ban chuyên môn, các tổ chức kinh tế, trung tâm, dịch vụ để tạo nguồn tài chính và phục vụ cho công tác phát triển Hội. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Chi Hội cơ sở

1. Chi hội Chiếu sáng đô thị được thành lập theo các đơn vị hoạt động

nghề nghiệp khi có từ 10 hội viên chính thức trở lên. Chi hội là tổ chức cơ sở của Hội, trực thuộc Trung ương Hội.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Chi hội cơ sở là Đại hội toàn thể hội viên tiến hành thường kỳ hai năm rưỡi (30 tháng) một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành Chi hội hoặc ít nhất 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị.

3. Đại hội Chi hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Chi hội trong nhiệm kỳ đã qua.

b) Quyết định phương hướng và chương trình công tác của Chi hội trong nhiệm kỳ tới.

c) Bầu Chi Hội trưởng và bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

d) Thảo luận và tham gia ý kiến cho báo cáo hoạt động, chương trình công tác điều lệ của tổ chức Hội cấp trên.

4. Chi hội cơ sở có nhiệm vụ thi hành Nghị quyết của Đại hội cấp mình và chỉ thị, nghị quyết của Hội cấp trên; lãnh đạo thực hiện công tác của Chi hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội; bầu Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên Thường trực. Ban Chấp hành Chi hội họp thường kỳ 3 tháng một lần. Họp bất thường của Ban Chấp hành Chi hội do Chủ tịch triệu tập hay khi có quá 1/2 số ủy viên Ban Chấp hành Chi

hội hoặc Ban Chấp hành Hội cấp trên yêu cầu.

Điều 19. Phụ cấp trách nhiệm

Các ủy viên Thường vụ và ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra các cấp của Hội được hưởng một khoản phụ cấp trong thời gian làm công tác Hội. Mức phụ cấp do Ban Chấp hành cùng cấp quy định và lấy từ nguồn thu nhập của các cấp hội.

Chương V

TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 20. Nguồn thu của Hội

1. Tiền thu hội phí của hội viên. Mức hội phí do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định từng năm đối với hội viên là cá nhân và hội viên là tập thể (có Quy chế hội phí);

2. Thu từ hoạt động dịch vụ và tư vấn, nghiên cứu khoa học, xuất bản, hội thảo, huấn luyện nghiệp vụ;

3. Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước;

4. Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân ngoài nước;

5. Thu khác ngoài các nguồn trên.

Điều 21. Các khoản chi của Hội

1. Chi hoạt động khoa học, kỹ thuật và hoạt động tư vấn, dịch vụ;

2. Chi huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức kế toán, kiểm toán, tài chính;

3. Chi hợp tác quốc tế;

4. Chi về lương và phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ chuyên trách công tác Hội và chi phí quản lý hành chính của Hội;

5. Các khoản chi khác theo quy chế tài chính của Hội.

Điều 22. Quản lý tài chính, kế toán

Tài chính, kế toán của Hội được quản lý theo Quy chế tài chính, kế toán của Hội, phù hợp với luật pháp tài chính, kế toán của Nhà nước.

Điều 23. Xử lý tài chính khi giải thể

Khi Hội bị giải thể hoặc giải thể thì phải tiến hành kiểm kê tài sản, quỹ và báo cáo Ban Chấp hành Hội trước khi xử lý tài sản và tiền còn lại và tiến hành thủ tục giải thể theo Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

Hội viên cá nhân và hội viên tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác Hội sẽ

được Hội tuyên dương khen thưởng hoặc kiến nghị Nhà nước khen thưởng.

Điều 25. Kỷ luật

Tổ chức, hội viên làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, làm trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Thể thức sửa đổi và bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải do Đại hội Đại biểu toàn quốc của Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam thông qua.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Bản Điều lệ gồm 7 chương, 27 điều, đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ I Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam thông qua, có hiệu lực thi hành theo Quyết định của Bộ Nội vụ phê duyệt.

Ban Chấp hành Trung ương Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này./.

BCH. TW HỘI CHIẾU SÁNG ĐÔ
THỊ VIỆT NAM